TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIỂU CẦN** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2023/DSST
Ngày: 27-02-2023
"V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Ngọc Ngoan**

Các Hội thẩm nhân dân:
Bà **Nguyễn Thị Hồng Nhung;**
Bà **Trang Thị Cẩm Nhuần;**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Sơn Thị Hoa Lan**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 27 tháng 02 năm 2023, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 294/2022/TLST-DS, ngày 14/01/2022, về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2023/QĐXXST-DS, ngày 02-02-2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 26/2023/QĐST- DS ngày 14 tháng 02 năm 2023 giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Th T; Địa chỉ: số 266- 268 Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của Ngân hàng Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Th T*:* Ông Đỗ Văn Công Ng, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T chi nhánh Trà Vinh ; Địa chỉ: Số 555; Đường Nguyễn Đáng, Khóm 3, Phường 6, thành phố Trà Vinh,tỉnhTrà Vinh (văn bản ủy quyền số: 3977/2020/QĐ-PL ngày 28 tháng 12 năm 2020.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đỗ Văn Công Ng là anh Châu Thế T, sinh năm 1992. Chức vụ: chuyên viên quản lý nợ - Ngân hàng Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Th T chi nhánh Trà Vinh theo văn bản ủy quyền số 2A/2022/GUQ-CNTV ngày 09/02/2022. (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

Bị đơn: Chị Lý Lâm Thị Nh Y, sinh năm 2000; Địa chỉ: Ấp Gi Tr, xã Tập Ng, huyện TC, tỉnh Trà Vinh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31/12/2021 và đơn đề nghị giải quyết vắng mặt gửi đến Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Châu Thế T trình bày:

Vào ngày 21/6/2019 Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương T (tại phần nội dung vụ án và nhận định của Tòa án sẽ được gọi tắt là Ngân hàng) có ký hợp đồng tín dụng, (Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số: 417/2019TTD ngày 21/6/2019) với chị Lý Lâm Thị Nh Y với số tiền cấp thẻ tín dụng hạn mức sử dụng là 10.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất kích hoat thẻ là 2,15% /tháng, lãi suất rút tiền mặt là 2,5% tháng, lãi suất quá hạn 150%/tháng.

Sau khi được cấp thẻ chị Nh Y đã thực hiện giao dịch với Ngân hàng tổng số tiền vay bằng 22.070.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ từ ngày kích hoạt thẻ đến nay chị Nh Y đã thanh toán được số tiền bằng 19.910.000 đồng (Trong đó tiền gốc 10.030.306 đồng, lãi và phí bằng 9.879.694 đống). Qua nhiều lần làm việc và nhắc nhở chị Nh Y cũng không trả thêm cho Ngân hàng. Như vậy chị Nh Y đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng nên ngày 22/11/2020 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn tính đến ngày 27/02/2023 chị Nh Y còn nợ Ngân hàng như sau: Nợ gốc bằng 12.039.694 đồng, lãi quá hạn bằng 7.231.224 đồng, tổng cộng vốn và lãi bằng 19.270.918 đồng.

Nay Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Lý Lâm Thị Nh Y trả cho Ngân hàng nợ gốc bằng 12.039.694 đồng, lãi quá hạn bằng 7.231.224 đồng, tổng cộng vốn và lãi bằng 19.270.918 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có cung cấp tài liệu chứng cứ gồm: 01 giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số: 417/2019TTD ngày 21/6/2019 (Có công chứng); 01 bản tóm tắt sao kê (bãn gốc); 01 chứng minh nhân dân và 01 sổ hộ khẩu mang tên chị Lý Lâm Thị Nh Y (bản phô tô)

Đối với bị đơn chị Lý Lâm Thị Nh Y: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc niêm yết hợp lệ các thủ tục như: Thông báo về việc thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo về việc sao chụp, gửi tài liệu chứng cứ do đương sự giao nộp và yêu cầu giải trình chứng cứ, đơn khởi kiện, Thông báo yêu cầu đương sự làm đơn phản tố, đơn yêu cầu gíam định chữ ký, chữ viết và Quyết định đưa vụ án ra xét xử: lần 1 vảo ngày 14/02/2023; lần 2 vào ngày 27/02/2023 nhưng chị Lý Lâm Thị Nh Y không đến Tòa án tham gia tố tụng và Tòa án cũng không thể tiến hành lấy lời khai của chị Lý Lâm Thị Nh Y được nên không thể xác định được những tình tiết nào của vụ án mà các bên đã thống nhất và không thống nhất. Vì vậy Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng Thương mai cổ phần Sài Gòn Thương T khởi kiện bị đơn chị Lý Lâm Thị Nh Y

về tranh chấp hợp đồng tín dụng không có mục đích lợi nhuận; Bị đơn chị Nh Y có địa chỉ cư trú tại ấp Giồng Tranh, xã Tập Ngãi, huyện Tiểu Cần tỉnh Trà Vinh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét về thời hiệu khởi kiện: Chị Nh Y đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền vay từ ngày 22/11/2020 nên ngày 31/12/2021 Ngân hàn nộp đơn khởi kiện tại Tòa án là đúng quy định tại Điều 429 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về thủ tục tố tụng: Đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự vẫn xét xử vụ án vắng mặt Ngân hàng.

Bị đơn chị Lý Lâm Thị Nh Y đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng chị Nh Y vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Nh Y theo qui định của pháp luật.

[4] Về nội dung tranh chấp: Căn cứ vào lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng và Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số: 417/2019TTD ngày 21/6/2019 giữa chị Nh Y với Ngân hàng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Vào ngày 21/6/2019 giữa Ngân hàng và chị Nh Y có ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số: 417/2019TTD ngày 21/6/2019. Theo đó, chị Nh Y có vay của Ngân hàng số tiền bằng 22.070.000 đồng với lãi suất kích hoạt thẻ là 2,15%/tháng, lãi suất rút tiền mặt là 2,5% tháng, và lãi suất quá hạn 150%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Chị Nh Y có trách nhiệm phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền là 39.180.918 đồng (gồm cả gốc là 22.070.000 đồng và lãi là 17.110.918 đồng). Tuy nhiên chị Nh Y chỉ thanh toán cho Ngân hàng với tổng số tiền 19.910.000 đồng (Trong đó tiền gốc 10.030.306 đồng, lãi và phí bằng 9.879.694 đống) và về sau chị Nh Y không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiếp theo như thỏa thuận là vi phạm hợp đồng và còn nợ Ngân hàng với số tiền bằng 19.270.918 đồng (Trong đó gốc là 12.039.694 đồng, lãi 7.231.224 đồng) do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở.

[5] Xét lãi suất của hợp đồng: Tại "Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số: 417/2019TTD ngày 21/6/2019" giữa chị Nh Y với Ngân hàng hai bên thỏa thuận lãi suất kích hoạt thẻ là 2,15%/tháng, lãi suất rút tiền mặt là 2,5% tháng và lãi suất quá hạn 150%/tháng là đúng theo hợp đồng tín dụng. Phần Ngân hàng yêu cầu tính nợ lãi quá hạn từ ngày 22/11/2020 đến ngày 15/01/2023 là 6.558.188 đồng và yêu cầu tính lãi chậm thanh toán phát sinh từ ngày 16/01/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm (27/02/2023) với số tiền là 673.036 đồng Xét thấy đây là mức lãi suất thỏa thuận giữa chị Nh Y và Ngân hàng được ký kết trong "Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số: 417/2019TTD ngày 21/6/2019" nên Hội đồng xét xử chấp nhận mức lãi suất này.

[6] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng buộc chị Lý Lâm Thị Nh Y phải thanh toán cho Ngân hàng số nợ gốc là 12.039.694 đồng và lãi bằng 7.231.224 đồng.Tổng cộng bằng 19.270.918 đồng.

[7] Về án phí: Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn chị Lý Lâm Thị Nh Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147. 227, 228, 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 429, 463, 465; Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương T.

Buộc chị Lý Lâm Thị Nh Y phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương T với số tiền bằng **19.270.918 đồng** (*Mười chín triệu hai trăm bảy mươi nghìn chín trăm mười tám đồng*); (Trong đó tiền gốc là 12.039.694 đồng và tiền lãi bằng 7.231.224 đồng).

Kể từ ngày 28/02/2023 cho đến khi thi hành án xong đối với số tiền nợ gốc chưa trả, bên phải thi hành án còn phải tiếp tục trả lãi theo lãi suất ghi trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số: 417/2019TTD ngày 21/6/2019 cho đến khi thi hành án xong.

2. Về án phí: Bược chị Lý Lâm Thị Nh Y phải nộp 963.545 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương T số tiền tạm ứng án phí bằng 306.900 đồng theo biên lai thu tiền số 0002976 ngày 13/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần và nhận tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- CCTHADS huyện Tiểu Cần;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ngọc Ngoan